

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HSST
Ngày 03-09-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Lò Thị Dậu

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Thử - thư ký TAND huyện Tủa Chùa

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/HSST ngày 15/08/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 19/8/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn B** - Tên gọi khác: Nguyễn Văn V; Sinh năm 1991 tại huyện D, tỉnh H; Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã Y, huyện D, tỉnh H; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: thôn TT, xã TT, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Nguyễn Văn V1 – SN 1959 và bà Nguyễn Thị M – SN 1961; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Th - SN 1997 và 01 con sinh năm 2017.

Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi mua và vận chuyển lâm sản trái pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính ngày 31/7/2018; Tạm giữ: từ ngày 10/4/2019 đến ngày 19/4/2019, tạm giam: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/4/2019 đến nay; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Văn G - sinh năm 1994; Trú tại: thôn TT, xã TT, huyện T, tỉnh Điện Biên. / Vắng mặt

+ Nguyễn Văn M - sinh năm 1989; Trú tại: thôn TT, xã TT, huyện T, tỉnh Điện Biên. / Vắng mặt

+ Sùng Thị V - sinh năm 1999; Trú tại: thôn TT, xã TT, huyện T, tỉnh Điện Biên. / Vắng mặt

+ Vàng A D - sinh năm 1996; Trú tại: thôn TT, xã TT, huyện T, tỉnh Điện Biên. / Có mặt

+ Mùa A D1 - sinh năm 1972; Trú tại: thôn TT, xã TT, huyện T, tỉnh Điện Biên. / Vắng mặt

+ Sùng A S - sinh năm 1982; Trú tại: thôn TT, xã TT, huyện T, tỉnh Điện Biên/ /
Có mặt

Người phiên dịch: ông Giàng A D – Sinh năm: 1985; Địa chỉ: tổ dân phố Thành Công, TT T, huyện T, tỉnh Điện Biên. / Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 30 phút ngày 10/4/2019, Tổ công tác liên ngành Công an và Hạt kiểm lâm huyện T làm nhiệm vụ tại khu vực thôn P, xã MB đã phát hiện Nguyễn Văn B có hành vi vận chuyển lâm sản trái phép trên xe ô tô do B điều khiển. Qua kiểm tra đã phát hiện và tạm giữ 04 tấm gỗ Đinh hương có khối lượng 0,059m³ không có hồ sơ chứng minh lâm sản hợp pháp, không có dấu búa kiểm lâm; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 19C-017.51 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện đã thu giữ tại chỗ ở của bị cáo: 01 lóng gỗ Nghiến hình trụ tròn khối lượng 0,045 m³; 07 lóng, thanh, hộp gỗ nghiến có khối lượng 0,068 m³; 02 lóng, khúc gỗ Me rừng có khối lượng 0,029 m³; 17 thanh, hộp gỗ Đinh hương có khối lượng 0,214m³

Thu giữ số lâm sản của bị cáo gửi tại nhà anh Vàng A D- chị Sùng Thị V và lán chế biến gỗ gồm: 14 thanh, hộp gỗ Đinh hương có khối lượng 0,305 m³.

Tại cơ quan điều tra bị cáo khai nhận: Do có nhu cầu đóng giường, tủ, kệ và làm thớt phục vụ sinh hoạt cho gia đình nên Bị cáo đã mua lâm sản gỗ không có hồ sơ chứng minh lâm sản hợp pháp để cất giấu và thuê anh Nguyễn Văn M là thợ mộc để đóng đồ gỗ và thuê đất của gia đình anh Vàng A D, chị Sùng Thị V để dựng lán chế biến gỗ. Trong số gỗ cơ quan điều tra đã thu giữ có 01 tấm gỗ Đinh hương mua của Mùa A D1 giá 50.000đ, 01 tấm gỗ Đinh hương do Sùng A S mang đến để trả công cho bị cáo do đã đóng hộ bàn ăn cho D và có giá quy đổi là 150.000đ, số gỗ còn lại bị cáo mua của một số người dân trong xã không biết tên, địa chỉ.

Tại Công văn số 286/KL-TTPC ngày 17/4/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên và công văn số 181/CV-KL ngày 07/8/2019 của Hạt Kiểm lâm huyện T xác định chủng loại, nhóm gỗ đã thu giữ của bị cáo: 03 lóng và 05 thanh gỗ thu giữ tại nhà bị cáo có tổng khối lượng 0,113m³ là loại gỗ nghiến, thuộc nhóm IIA, nằm trong danh mục quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm; Có 02 lóng gỗ hình trụ, khối lượng 0,029m³ là gỗ Me rừng, thuộc nhóm thực vật rừng thông thường, không thuộc danh mục theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ; 35 thanh, tấm thu giữ trong xe ô tô, nhà ở bị cáo và nhà Sùng Thị V có khối lượng 0,578m³ là gỗ Đinh hương, thuộc nhóm thực vật rừng thông thường, không thuộc danh mục theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Kết quả tra cứu hồ sơ tại Hạt kiểm lâm huyện T xác định năm 2018 Bị cáo Nguyễn Văn B đã bị Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua, vận chuyển lâm sản trái pháp luật tại quyết định số 251/QĐ-XPVPHC ngày 31 tháng 7 năm 2018, mức phạt tiền là hình phạt chính 6.000.000đ, bị cáo đã chấp hành xong ngày 31/7/2018.

Đối với Sùng A S, Mùa A D1 là người đã bán gỗ cho bị cáo, cơ quan CSĐT công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với Vàng A D, Sùng Thị V là người cho bị cáo thuê địa điểm và cho bị cáo để nhờ lâm sản gỗ, Nguyễn Văn M là người bị cáo thuê chế biến lâm sản do không biết việc bị cáo mua, cất giấu và chế biến lâm sản trái phép nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm.

Đối với 01 chiếc xe ô tô tải BKS 19C-017.51 đã thu giữ, quá trình điều tra đã làm rõ thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn G, anh G không biết việc bị cáo sử dụng xe để vận chuyển lâm sản trái phép nên cơ quan CSĐT không đề cập xử lý trách nhiệm và đã trả lại xe ô tô cho chủ sở hữu hợp pháp.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKSHTC ngày 13/8/2019 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội "vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm m khoản 1 điều 232 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm m khoản 1 điều 232; điểm i,s khoản 1 điều 51; điều 36 của BLHS xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ về tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, khấu trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 điều 232 của BLHS; Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của công an huyện về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp, tịch thu sung ngân sách nhà nước toàn bộ số gỗ thu giữ của bị cáo; Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo mức từ 200.000đ đến 300.000đ/ 1 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ và đề nghị áp dụng án phí HSST đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xét người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 của BLTTHS.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua lời khai của bị cáo và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được: bị cáo Nguyễn Văn B vì nhu cầu đóng giường, tủ, kệ phục vụ cho gia đình nên Bị cáo đã mua lâm sản gỗ có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, không có hồ sơ chứng minh lâm sản hợp pháp để cất giấu và thuê anh Nguyễn Văn M là thợ mộc đóng đồ gỗ cho gia đình. Tổng số gỗ bị cáo đã mua và cất giấu là: 03 lóng và 05 thanh gỗ nghiến có khối lượng $0,113\text{m}^3$, thuộc nhóm IIA, nằm trong danh mục quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ; Có 02 lóng gỗ Me rừng có khối lượng $0,029\text{m}^3$ thuộc nhóm thực vật rừng thông thường; 35 thanh, tấm gỗ Đinh hương có khối lượng $0,578\text{m}^3$ thuộc nhóm thực vật rừng thông thường. Tổng số gỗ các loại bị cáo mua và cất giấu là $0,72\text{m}^3$.

Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ được và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án như biên bản vi phạm hành chính, biên bản tạm giữ tang vật phương tiện, các bảng kê lâm sản, biên bản xác định khối lượng tang vật vi phạm, văn bản xác định chủng loại, nhóm gỗ của cơ quan kiểm lâm... Như vậy có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã có hành vi mua và cất giấu $0,72\text{m}^3$ gỗ các loại không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, không có giấy phép khai thác vận chuyển là trái với quy định về quản lý và bảo vệ rừng, trong đó có $0,113\text{m}^3$ gỗ nghiến thuộc nhóm IIA nằm trong danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Cũng có đủ cơ sở để xác định ngày 31/7/2018 bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua và vận chuyển lâm sản trái pháp luật và Hạt trưởng hạt kiểm lâm huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.000.000đ, bị cáo chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính ngày 31/7/2018; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính”.

Hành vi của bị cáo mua và cất giấu lâm sản gỗ trái phép trong thời gian chưa hết 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính, do đó chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, vì vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm m khoản 1 điều 232 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, VKSND huyện T - tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy rằng:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào các quy định của nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng mà trực tiếp là hành vi mua và cất giấu lâm sản trái pháp luật. Do đó cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục, ngăn ngừa tội phạm và bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội.

Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cần xem xét đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 của BLHS cần áp dụng cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điều 52 của BLHS.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và mức độ ăn năn hối cải sau khi phạm tội thấy rằng: Mục đích bị cáo mua, tàng trữ lâm sản là để thuê người đóng đồ dùng phục vụ cho gia đình; Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, khối lượng lâm sản bị cáo tàng trữ là 0,72m³ gỗ các loại là không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ để bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo: Bị cáo sống cùng gia đình có 05 nhân khẩu, trong đó có 01 con còn nhỏ sinh năm 2017, tài sản riêng của bị cáo không có nên HĐXX thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4 điều 232 của BLHS đối với bị cáo.

[5] Xem xét khấu trừ một phần thu nhập: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định thu nhập chung của gia đình bị cáo do bán hàng tạp hóa khoảng 5.000.000đ/ 1 tháng, bị cáo đang ở độ tuổi lao động, có sức khỏe tốt nên cần khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo mức 200.000 đồng/ 1 tháng trong thời gian chấp hành hình phạt để sung quỹ nhà nước.

[6] Đối với những người bán và trả công bằng gỗ cho bị cáo xét chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan CSĐT công an huyện T đã xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với những người cho bị cáo thuê địa điểm, cho bị cáo gửi nhờ gỗ, chế biến gỗ cho bị cáo và người cho bị cáo mượn phương tiện, xét những người này không biết việc bị cáo mua, cất giấu và vận chuyển lâm sản trái phép, cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm là phù hợp.

[7] *Vật chứng của vụ án:*

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 19C-017.51, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, cơ quan CSĐT Công an huyện T đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định tại điều 47 của BLHS và điểm a,b khoản 3 điều 106 của BLTTHS nên HĐXX chấp nhận.

+ 45 lóng, thanh, tấm gỗ các loại là vật chứng thu giữ của bị cáo cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 điều 47 của BLHS và điểm b khoản 2 điều 106 của BLTTHS.

[8] *Về án phí:* Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B (tên khác là Nguyễn Văn V) phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản

Áp dụng điểm m khoản 1 điều 232, các điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 36 của Bộ luật hình sự; khoản 6 Điều 9 luật Lâm nghiệp; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ; Bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã TT, huyện T, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao cho UBND xã TT và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo mức 200.000 đồng/ 1 tháng (*hai trăm nghìn đồng một tháng*) trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 điều 47 của BLHS; điểm b khoản 2, khoản 3 điều 106 của BLTTHS

- Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp của Cơ quan CSĐT Công an huyện T tại biên bản trao trả tài sản ngày 28/12/2015: trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 19C-017.51 cho anh Nguyễn Văn G là chủ sở hữu hợp pháp; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước toàn bộ số gỗ thu giữ của bị cáo gồm: 03 lóng và 05 thanh gỗ nghiến; 02 lóng gỗ Me rừng; 35 thanh, tấm gỗ Đinh hương.

(số vật chứng là lâm sản gỗ nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT công an huyện T và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện T ngày 14/8/2019)

3. Án phí: Áp dụng điều 136 của BLTTHS; điều 21, điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Kháng cáo:

Bị cáo tại ngoại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện T
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- UBND xã TT, huyện T;
- Lưu HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

Trương Anh Tuấn